

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DS-ST**

Ngày: 16 - 02 - 2022.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà Q và vợ chồng
ông H, bà Y.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **16** tháng **02** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Q**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 11 đường Lê Lợi, Phường L, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* **Bị đơn:** Vợ chồng ông **Nguyễn Bạch Vân H**, sinh năm: 1977 và bà **Trần Thị Như Y**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 70 đường Hàm Nghi, Tổ 15, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên bà Q có cho vợ chồng ông H, bà Y vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 10/02/2020 cho vay số tiền 150.000.000đ;
- Lần 2: Vào ngày 04/5/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ;

Đến ngày 22/5/2020 vợ chồng ông H, bà Y viết giấy và ghi tổng cộng 02 khoản tiền là 200.000.000đ và hứa trả lại nhưng hiện nay vợ chồng ông H, bà Y bị bế nợ nhưng vẫn cố tình không chịu trả tiền cho bà Q. Hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn vay và

lãi suất bằng miệng. Mặc dù bà Q đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà Y vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay.

** Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y tại Tòa án.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Trần Thị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Bà Trần Thị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Do quen biết nên bà Q có cho vợ chồng ông H, bà Y vay tiền 02 lần với số tiền tổng cộng là 200.000.000đ. Mặc dù bà Q đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà Y vẫn không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Q đã cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy mượn tiền lập ngày 22/5/2020 do vợ chồng ông H, bà Y viết và ký tên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà Q và vợ chồng ông H, bà Y có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, cả hai vợ chồng ông H, bà Y đều ký nhận vào giấy mượn tiền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà Y cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho bà Q hay chưa. Vì vậy, bà Q yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền hai bên không ghi thời hạn vay và lãi suất vay; vợ chồng ông H, bà Y vắng mặt nên cần xác định đây là trường hợp các không thỏa thuận về việc trả lãi nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất

bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương đương $20\%/năm \times 50\% = 10\%/năm : 12 \text{ tháng} = 0,83\%/tháng$. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Q yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Khoản vay 150.000.000đ ngày 10/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 24 tháng $\times 150.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 29.880.000đ$.

- Khoản vay 50.000.000đ ngày 04/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 21 tháng $\times 50.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 8.715.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 238.595.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với vợ chồng ông H, bà Y; Buộc vợ chồng ông H, bà Y phải có trách nhiệm trả cho bà Q tổng số tiền là 238.595.000đ; trong đó: tiền gốc là 200.000.000đ, tiền lãi là 38.595.000đ.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông H, bà Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 11.929.000đ.

Bà Trần Thị Q không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đối với vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Q tổng số tiền là 238.595.000đ (*Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng*); trong đó: tiền gốc là 200.000.000đ, tiền lãi là 38.595.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ **Về án phí:**

Vợ chồng ông Nguyễn Bạch Vân H, bà Trần Thị Như Y phải chịu 11.929.000đ (*Mười một triệu chín trăm hai mươi chín ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.830.000đ (*Năm triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004182 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

